

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



# ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

*Đào quán ở chùa Quán-Sư phố Richaud, Hanoi*

# 慧 燄 報

Chủ nhiệm  
NGUYỄN-NANG-QUOC  
Chủ tịch hội trưởng  
hội Phật-Giáo  
Quản lý  
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút  
PHAN-TRUNG-THU  
Sư cụ chùa Hàng-Số  
Phó chủ bút  
DUONG-VAN-HIEN  
Sư cụ chùa Tể-Cát



**GIÁ BÁO :**

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

## Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào dỗi chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

## Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

## Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

## KÍNH TRÌNH CÁC NGÀI ĐẠI-LÝ BÁN BÁO « ĐUỐC TUỆ ».

Xin các ngài làm cho một bản kết toán từ số 1 đến số 10 xem số nào bán được bao nhiêu, còn lại bao nhiêu ; bán được bao nhiêu thì xin gửi tiền về cho, mà còn lại bao nhiêu thì xin gửi báo về ngay cho, cảm ơn. Từ số 11 trở đi, chúng tôi tạm đình gửi để đợi thư các ngài xem nơi nào có thể bán được kha khá sẽ gửi.

Những ngài mua báo 3 tháng ngài nào bằng lòng mua nữa thì xin gửi thư về ngay cho nhà báo biết.

## LƯỢC KHẢO PHẬT-GIÁO Ở NƯỚC TÀU

**N**ƯỚC Tầu từ đời vua Tần-thủy-hoàng cùng với nước Bảo-lợi-phong thuộc xứ Tây-vực dao thông, đã biết có Phật-giáo. Đời Tây-hán sang đánh nước Hung-nô đã đào được kim-nhân (tượng bằng vàng) đem về, chính sử thời chép đến đời Đông-hán vua Minh-đế, niên-hiệu Vĩnh-bình năm thứ mười, có hai vị tăng ở nước Ấn-độ tên là Ma-đăng và Trúc-pháp-lan, sang đất Tràng-an ở chùa Bạch-mã dịch kinh tứ thập nhị chương (42 chương), bắt đầu nước Tầu có kinh Phật bằng chữ Hán từ đây. Đến đời vua Hoan-đế, Phật-pháp mới phổ cập trong nước Tầu.

Đời Tam-quốc có ba ông sư ở Ấn-độ sang tên là Chi-tiêm, Chi-lượng và Chi-khiêm gọi là Tam-chi. Đời Tào-Ngụy niên-hiệu Gia-bình có ông Đàm-ma-ha-la đem giới-luật ở Ấn-độ sang Tầu dịch ra chữ Hán. Đến đời nhà Tấn có ông Phật-đồ-trừng ở Tây-vực sang, chuyên sự dịch kinh. Đời Đông-tấn có ông Đạo-an, ông Tuệ-viễn, ông Trúc-đạo-tiêm, ông Pháp-hiền. Ông Đạo-an cùng với bậc cự-nho nước Tầu là ông Tập-tạc-xỷ giao du để xiển-dương Phật-pháp. Từ đây các bậc sỹ-phu ở Tầu mới biết qui hướng về Phật-giáo. Ông Tuệ-viễn thời mở đàn thuyết-pháp ở núi Lư-sơn, nước Tầu có đảng-dân bắt đầu từ đây. Ông Pháp-hiền theo lối Tuyết-sơn sang Tây-trúc đem kinh Phật về Tầu rất nhiều; người Tầu sang Tây-trúc ông này là trước nhất. Ông này không những là công-thần của Phật-giáo, lại là người mạo-hiêm thứ nhất nước Tầu nữa. Cùng thời kỳ ấy ở phía bắc nước Tầu, có ông Cru-ma-la-thập người nước Qui-tur; ngài đã tinh thông Lý-học lại hiểu nhiều tiếng Tầu nên sự truyền giáo của ngài rất dễ. Đời Bô-tần niên hiệu Hoàng-thủy, vua đón ngài

vào đời Trảng-an, một tay ngài dịch ra không biết bao nhiêu là kinh sách, học trò có tới ba nghìn người, bậc thượng lúc như ông Đạo-sinh, Đạo-dông, Tăng-triệu, Tăng-duệ vân vân. Ngài là người truyền giáo đại-thừa ở Tàu trước nhất. Ngài dịch kinh Pháp-hoa, luận Thành-thật. Sau ngài có ông Phật-đà-bạt-đa-la dịch kinh Hoa-nghiêm, ông Đàm-vô-xấm dịch kinh Nát-bàn, từ đấy bao nhiêu lý thuyết nhiệm-mầu của Phật-giáo dần-dần truyền vào nước Tàu cả. Đời nam bắc triều Phật-giáo ở Tàu lại càng thịnh lắm. Như đời Tống Thiếu-đế thời dịch luật ngũ-phạm. Đời Văn-đế dịch kinh Quan-phả-hiền, Quan-vô-lượng thọ, lại đón ông Cầu-na-bạt-ma sang dựng đàn thụ-giới, nước Tàu có giới-dân bắt đầu từ đấy.

Trái nhà Trần nhà Tùy đến nhà Đường có ông Bồ-dề-lưu-chi xướng ra Địa-luận-tông, đức Đạt-ma xướng ra Thiền-tông, ngài Chân-đế tam-tạng thời xướng ra Tiếp-luận-tông, Câu-xá tông, ngài Tri-giã đại-sư thời xướng ra Thiên-thai Pháp-hoa tông.

Đức Nam-sơn luật-sư thời xướng ra Luật-tông, Đức Thiện-đạo đại-xư thời xướng ra Tịnh-độ-tông, Đức Từ-án tam-tạng thời xướng ra Pháp-tướng-tông, Hiền-thủ pháp-sư thời xướng ra Hoa-nghiêm tông, Ngài Thiện-vô-úy thời xướng ra Chân-ngôn-tông; trong 13 tông trừ Nát-bàn, Địa-luận, Tiếp-luận ba tông, còn 10 tông ở Tàu có lẽ phát-minh hơn các tổ ở Tây-ực.

1<sup>o</sup> Luận Câu-xá. Phật nhập Nát-bàn rồi sau 900 năm có ngài Thế-thân hộ-tát noi kinh Tứ-a-hàm mà tạo ra luận Câu-xá 30 quyển. Luận này ở Ấn-độ thời ấy rất có giá-trị, cả người ngoại đạo cũng dành nhau mà đọc. Đến đời Văn-đế nhà Tùy có ông Chân-đế tam-tạng đem sách này ở Ấn-độ sang Tàu dịch trong năm năm mới xong, gọi là A-ti-đạt-ma Câu-xá luận, sau có ông Tri-khải, ông Tịnh-tuệ làm chú-sớ.

Đời Đường triều vua Thái-tôn niên hiệu Trinh-quán có ngài Huyền-trang pháp-xư sang Tây-trúc học luận này, sau khi về Tàu lại dịch một lần nữa, đệ-tử có ông Phả-quang, ông Pháp-thật, ông Tôn-thân làm chú sớ, Tông này cũng phụ thuộc vào Pháp-tướng tông.

20 Thành-thật tông, Tông này tổ là ông Ha-lê-bạt-ma, cũng thuộc vào thời-kỷ sau Phật nhập bát-bản 900 năm.

Đến đời Hoàng-thủy nhà Bồ-lần, ngài Cư-ma-la-thập đem sang Tàu dịch, đệ-tử là ông Đàm-ảnh bút thuật, ông Tăng-duệ chú-sớ ; tông này đến đời Tê đời Lương ở đất Giang-nam rất thịnh.

30 Luật-tông, sau khi Phật diệt-dò, ông Ca-diếp đem 500 vị la-hán kết tập đại-tạng, chia làm ba phần kinh, luật, luận. Luật tạng này khi trước ở Ấn-độ giữ gìn cẩn lắm, mãi đến đời Tào-ngụy niên-hiệu Gia-bình thứ hai, ông Đàm-ma-ha-la mới đem sang Tàu. Đến đời nhà Tống năm Nguyên-gia thứ 11 mới có đàn thụ-giới cho ni. Đời Bồ-lần ông La-thập dịch luật Thập-tụng, sau dịch luật Tăng-kỳ, bấy giờ ở Tàu mới gần đủ luật. Đời Tùy có đức Đạo-tuyên luật-sư tinh thông khoa luật này lắm ; sau ngài Huyền-trang sang Tây-trúc về dịch luật ở đất Tràng-an, một tay ngài dịch ra có vài trăm quyển. Sau luật-tông chia ra làm hai tông : 1) là Tướng-bộ-tông, của ngài Pháp-lệ luật-sư ; 2) là Đông-thập tông của ngài Hoài-tò luật-sư dựng ra, cùng với Nam-sơn tông gọi là luật-gia tam tông, (ba tông nhà luật).

40 Pháp-tướng tông, tông này tổ nghĩa duy-thức, Tồ là đức Từ-ân ; trong Đại-thừa kinh như Hoa-nghiêm, Thâm-mật, Lăng-già, Phật nói những nghĩa vạn-pháp duy thức là tôn-chỉ của tông này đó, sau Phật diệt-dò 900 năm có ông Vô-trước bồ-tát thỉnh đức Ri-lặc hiện thân nói ra năm bộ ; 1) Ru-già-sư-địa-luận ; 2) Ru-già-luận ; 3) Đại-trang-nghiêm-luận ; 4) Biện-trung-luận ; 5) Kim-cương-bát-nhã-luận ; sau ngài Thế-thân bồ-tát làm ra ngũ-uẩn-luận, Bách-pháp minh-môn luận, Duy-thức tam-thập tụng luận. Sau Phật diệt-dò 1100 năm có ông Nan-đa bộ-pháp, đệ-tử là ông Giới-hiền truyền cho ông Huyền-trang ở Tàu, tông này ông Huyền-trang thực là thâm đắc ; ông làm bộ Duy-thức liễn-nghĩa-dăng ; kế ông, ông Dương-tri-Chu làm ra bộ Duy-thức xiển-bí kinh.

50 Tam-luận tông : 1) Trung-luận ; 2) Thập-nhi-môn luận ; 3) Bách luận, hai bộ trước của ngài Long-thụ làm ra, bổ sau của ngài Đề-bà bồ-tát làm ra, thêm luận Tri-độ nữa gọi là

tứ luận tông, ông La-thập là cháu ba đời của ngài Đề-bà, nên khi ông sang Tàu, thầy trò chuyên dịch tông này tinh vi lắm, sau có ông Huyền-trang, ông Từ-ân tập đại thành tông này.

60 Hoa-nghiêm-tông, đức Phật thế-tôn khi mới ở gốc cây Bồ-đề dậy. Nghĩa là khi ngài mới thành đạo, vì ngài Phổ-hiền nói kinh Hoa-nghiêm 38 phẩm, mười vạn bài kệ, thực là phép Đại-thừa rất cao siêu mầu nhiệm, những bậc thanh văn, duyên-giác lắm người nghe như diếc không hiểu một câu. Phật diệt-đô sau 500 năm có ngài Mã-minh bồ-tát làm ra bộ Đại-thừa khởi-tin luận, thích nghĩa chân như duyên khởi, sau 700 năm có ngài Long-thụ bồ-tát làm ra bộ Đại-bất-tư-nghị luận, sau 900 năm có ông Thiện-thân bồ-tát làm ra Hoa-nghiêm-thập-địa luận. Các vị này là thủy-tổ tông này ở Ấn-độ. Ở Tàu đời Đông-tấn niên-hiện Nghĩa-hy thứ 14 có ông Bạt-đa-la dịch kinh Hoa-nghiêm 60 quyển. Đến đời Trần-Tùy có ông Đỗ-Thiện Thuyền-sur mời đề-xương thành Tông, làm ra Hoa-nghiêm pháp-giới quan-môn, ngũ-giáo chi-tông, thập-huyền chương; tông Hoa-nghiêm này ngài là Sơ-tổ. Tổ thứ hai là ngài Trí-nghiêm làm ra bộ Lưu-huyền ký. Tổ thứ ba là ngài Hiền-thủ Quốc-sur làm ra ngũ-giáo-chương, lại làm ra bộ Thám-huyền ký 20 quyển, đề giải nghĩa kinh Hoa-nghiêm, ngài còn trước thuật ra hơn 20 bộ nữa, tông-môn viên-giáo ở Tàu đến ngài mới gọi là đại-thành, cho nên có người gọi ngài là Hoa-nghiêm Thái-tổ. Sau khi ngài mất rồi có ông Tuệ-uyên riêng chấp ý-kiến của mình, bỏ cả huyền-chí của thầy, thành ra thất-truyền; may lại được ông Trừng-quán làm ra bộ Hoa-nghiêm đại-sớ sao để khôi-phục lại chính-tông của ngài Hiền-thủ. Ngài Trừng-quán biệt hiệu là Thanh-lương Quốc-sur, sau truyền cho ông Khuê-phong là Tổ thứ 5; tông này đến ngài Khuê-phong thịnh lắm. Thế là Hoa-nghiêm ngũ tổ (năm tổ Hoa-nghiêm).

70 Thiên-thai tông hoặc Pháp-hoa tông. Tông này cứ y kinh Pháp-hoa mà dựng ra, ở Ấn-độ không có, ở Tàu đời Trần, Tùy có ngài Trí-khải, hiệu là Trí-giá đại-sur, tu ở núi Thiên-thai, nghe đức Nam-nhạc Tuệ-ân Thuyền-sur chứng được Pháp-hoa tam-muội, ngài tới hầu, đức Nam-nhạc nói rằng:

Tôi với ông khi trước ở trên hội Linh-sơn cùng nghe kinh Pháp-hoa. Vì có cái lúc-duyên như thế nên nay ông lại đến thăm tôi. Sau đức Nam-nhạc giẫy ngài tu phép Pháp-hoa tam-muội trong mười bốn hôm thời ngài ngộ đạo, truyền mãi đến cháu sáu đời của ngài là ông Kinh-khê thì đời tông này toàn thịnh. Tông này lấy kinh Pháp-hoa làm cốt-yếu. lấy luận tri-độ làm kim chỉ-nam, lấy kinh Bát-bản làm phủ-sớ, lấy kinh Bát-nhã làm quan-pháp; sau có ngài Chương-an kết-lập thành ra cương mục một tông. Sau nữa có Trí-uy, Tuệ-uy. Huyền-long, Diệu-lạc đều là các bậc Long-tượng của tông này.

8<sup>o</sup> Chân-ngôn tông. Tông này thuộc về mặt-giác, sao gọi là mặt-giáo? Vì không do về sự ngôn ngữ mà đạt giáo. Cứ như trong sách nói thời Phật có ba thân: 1<sup>o</sup> Thích-ca, 2<sup>o</sup> Đại-nhật Như-lai, 3<sup>o</sup> Di-đà, một thân mà lưu bố ra ba thể. Tông này thuộc về Đại-nhật-giáo; tông Tịnh-độ thuộc về Di-đà-giáo; còn tám tông kia thuộc về Thích-ca-giáo. Tông này tương truyền của ngài Kim-cương-tát-đỏa cất pháp của ngài Đại-nhật-nhu-lai, Như-lai diệt độ sau 700 năm, ngài Tát-đỏa truyền cho ngài Long-mãnh; ngài Long-mãnh truyền cho ngài Long-trí; ngài Long-trí truyền cho ngài Thiện-vô-úy; ngài Thiện-vô-úy sang Trung-hoa vào khoảng đời Đường dịch kinh Đại-nhật rồi truyền cho ngài Kim-cương-trí làm sư-lão tông này ở Trung-hoa, sau truyền cho ông Bất-không-hòa-thượng. Ông này là Quốc sư ba triều: Huyền-tông và Túc-tông, Đại-tông. Sau ngài Bất-không lại đem tông này truyền sang nước Nhật-bản; ngài dựng ra phép tử-mẫu của Nhật bảy giờ. Tông này ở Nhật thịnh hành lắm, ở Mông-cổ Tây-tạng Xiêm-la cũng thịnh, ở Tàu thời hơi kém.

9<sup>o</sup> Tịnh-độ tông, Tông này y ba kinh mà dựng lên: 1<sup>o</sup> kinh Vô-lượng-thọ; 2<sup>o</sup> kinh Quan-vô-lượng-thọ; 3<sup>o</sup> Di-đà và luận vãng-sinh tịnh-độ của ngài Thiện-thân làm ra. Ở Ấn-độ thời Tỳ là ngài Thiện-thân, Tông này chỉ cần phát khởi tin-tâm niệm Phật đề cầu vãng-sinh. Ngài Thiện-thân nhập-diệt sau 500 năm có ngài Bồ-Đề-lưu-chi đem tông này sang Tàu. Vào khoảng đời Hậu-Hán có ông Sa-môn tên

là Âu-thành cao người nước Quy-tức sang dịch kinh Quan-vô-lượng thọ, và Vô-lượng-thọ kinh. Sau có ngài Tuệ-viễn kết Liên-xã ở núi Lư-sơn niếm Phật, tông này thành lập từ đây. Sau có ông Đàm-loan, ông Đạo-Xửc, ông Thiệu-đạo Xương-minh huyền-chỉ, pháp-môn này để cảm-hóa chúng-sinh hơn các môn khác.

10<sup>o</sup> Thuyền tông Tông này không cần ngữ-ngôn văn-tự, cứ ngộ được bản-tâm là kiến-tính thành Phật. Ngài trước ở trên núi Linh-sơn đức Thích-tôn cảm ngành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, thế là Chính-pháp nhơn-tạng đã truyền thụ cho ngài rồi. Sau ngài Ca-diếp lấy y-bát truyền-thụ cho ông Át-nao, cứ thế mãi đến đời Đạt-ma là tổ 28 ở cõi Tây-thiên. Đời Lương-vũ-đế niên-hiệu Hàm-thông đức Đạt-ma sang đất Quảng-đông ở núi Tung-sơn ngồi thuyền định chèo năm quay mặt vào vách. sau mới có người truyền-pháp là ông Tuệ-khả; ông Khả truyền cho ông Tăng-Xán; ông Xán truyền cho ông Đạo-tín; ông Tín truyền cho ông Hoằng-nhãn; ông Hoằng-nhãn có môn-đệ tới 1.500 người, bậc thượng-tọa như ông Ngọc tuyền ông Thần-tử thế mà sau ngài lại truyền y-bát cho ông Huệ-năng là người không hiểu mặt chữ, chỉ chuyên việc giặt gao. Sau ông Tuần-tú dựng ra Bắc-tông, ông Huệ-năng dựng ra Nam-tông, y-bát từ đó không truyền nữa. Sau môn thuyền-tông này lại chia ra làm năm phái: 1<sup>o</sup> Vân-môn; 2<sup>o</sup> Pháp-nhơn; 3<sup>o</sup> Tào-động; 4<sup>o</sup> Lâm-tế; 5<sup>o</sup> Quy-ngưông, thường gọi là thuyền-gia ngũ phái (năm phái nhà thuyền). Từ đây tới nay về môn thuyền-tông màt giáo này ở Tàu thực là toàn thịnh, cho nên khi ngài Đạt-ma sang Tàu đã biết trước là người Trung-hoa có cái căn-tính Đại-thừa.

Cứ trực thuật như thế cũng đủ biết nước Tàu có cái công tổ với Phật-giáo. Không cứ những đời trước mới có các vị Tổ-sư truyền giáo đại-thừa, hiện nay ở Tàu cũng có ông Thái-hư pháp-sư là người đã có công đem Phật-giáo sang Âu-mỹ truyền bá. Ông ấy lại dựng ra hội Vạn-quốc chư tăng-hội-nghi, mở ra Hoằng-pháp xã-thuyết, và Phật-học hải-trào-âm nguyệt-sau để tuyên truyền Phật-học. Cho nên tới nay các người Âu-mỹ muốn hiểu cứu Phật-giáo cũng tìm sang Trung-quốc cả. Ta nên biết Đạo Phật ở Tàu mà



được thịnh-hành là phần nhiều nhờ ở các bậc Cụ-nhữ  
biết đem kinh sách chữ Phạm dịch ra chữ Hán để phổ cập  
quốc-dân. Nước ta khi xưa vẫn thụ ảnh-hưởng văn-hóa của  
Tầu, học chung một lối chữ, nhưng nay chữ Hán ở ta đã  
không phải là lối chữ nuôi sống được các nhà có công đi  
học nó nữa; bởi thế nên các bạn thanh-niên ít người học  
tập nó nữa. Nay ta đã có chữ quốc-ngữ phổ cập; muốn  
cho quốc-dân ta ai ai cũng hiểu tính Từ-bi, hiểu bề bác-  
ái, thời thiết tưởng nên đem hết kinh điển Phật-giáo dịch  
ra quốc-âm, ngõ hầu mới bỏ câu được nhân-tâm, duy-tri  
được thế-đạo, và mới giữ được tinh-thần của Phật-giáo sau  
này.

THÁI-HÒA

## LÊ KHÁNH-THÀNH BAN ĐẠI-LÝ HỘI PHẬT-GIÁO CHÙA HUN (CHÍ-LINH)

Sáng sớm ngày 20 tháng giêng năm Bình-h (12-2-1936),  
phái-viên trung-uơng hội Phật-giáo Hà-nội về chúng lễ  
khánh-thành ban đại-lý huyện Chí-linh (Hải-dương) ở chùa  
Hun. Ban phái-viên chúng tôi, lãng thì có sư cụ Trường-  
liêu cầu Lác, sư ông Thanh-Tảo, cư-sĩ thì có ông cử Trạc,  
ông Lê-Dur và tôi, đi ô-tô về đến thành phố Hải-dương thì  
cụ Tuần Trần-văn-Đại, chánh đại-biểu chi hội tỉnh Hải-  
dương cùng ban trị-sự đã đợi chúng tôi ở đó. Hai bọn hợp  
lại, đi ba ô-tô, qua phủ Nam-sách, sang sông Bàng-hà, tục  
gọi đó Bình, tới hạt Chí-linh.

Xe rong-ruổi trên cõi nước non Bát-cổ, gió đông êm ả,  
nắng mới ấm-áp, trước mặt núi-non, bên đường làng mạc  
đều trang điểm một màu xuân-sắc. Thục có như hai câu  
thơ nổi trong bài Vô-trụ của sư tổ Vô-ngu:

*Phật-tổ nhập nhô non với núi,  
Chung-sinh nhan-nhãn cây cùng cưa.*

Tự nghĩ bao giờ mà trong cái bọn chung-sinh nhan-nhãn  
này đều thoát mọi nỗi lăm than, được thỏa-thuê cái nguyện-  
vọng của mình thì cái quốc-thổ sinh-đẹp, nhân-dân đông-  
đức này há không phải là chốn cảnh Phật, bầu Trời, là nước  
Cực lạc hay sao. Đang quan-niệm ra một cái cảnh-sắc Cực-

lạc trang-nghiêm về tương-lai cho những nơi hai bên đường xe chạy thì xe đã đến đồi núi làng Chi-ngãi. Theo con đường mới rợn cỏ san đất, ba xe lượn sườn đồi qua đồn-diền Cỗ-vít vào tới cửa chùa Hun. Ban trị-sự của chi hội mới Chí-linh ra đón rất thịnh-trọng. Chánh đại-lý bên tăng là sư cụ Triều, Chánh đại-lý bên tại-gia là ông Trịnh-văn-Vĩ, các ông giúp việc khắp mặt thân-hào trong hạt và cả hai ông Thừa-phái và Lục-sự trên huyện cũng phát-tâm giúp đỡ: Chư-tăng trong vùng cũng về đông Ngay hôm ấy, chùa có rổ tổ đức Huề-n-quang Tôn-giả, nên thiện-tín các nơi đến lễ lại càng đông lắm.

Chùa Hun là chùa ở núi Côn-sơn 崑山, chính tên chùa là Tư-phúc-tự 資福寺. Tuy là nơi danh-thắng trên lịch-sử Việt-nam, nhưng ở lảnh trong núi, gần đây tiêu-diệu lắm. Nay chi-hội Phật-giáo Chí-linh mới chấn-hưng lên để làm nơi hội-quán chính, đường ngõ sân vườn đều mới phá gai cắt cỏ cả, mấy nóc nhà tranh, nào giảng-đường, nào túc-xá, sinh-sầu gọn-gàng, sen vào giữa những cái cung-diện cỏ ngói mốc tường rêu, trông ra có vẻ âm-cúng, không hoang-rậm thế-lương như mấy lần tôi vào trước.

Vào đến giảng-đường, cách trần-thiết và khoản-tiếp không khác gì thành-thị. Ngồi yên thì sư ông An-minh đọc bài chúc-từ và nói về công việc chư tăng với các thân-hào trong hạt tổ-chức nên chi hội Chí-linh này. Thầy thủ-tự cũng đọc chúc-từ nối theo. Đoạn thi cụ Tuấn Trần nói đáp lại và khuyên chi hội đây nên chân-trọng bảo-tồn lấy nơi danh-thắng này. Cụ Cử Trạc thay mặt trung ương nói về tông-chỉ của hội Phật-giáo. Ông Giáo Thắng, chi hội Nam-sách cũng đọc bài mừng và ngợi khen phong-cảnh Côn-sơn.

Luôn một hồi các bài, các lời tiếp-tục nhau đọc, nói, thỉnh-giả có tới vài nghìn đều im phăng-phắc mà nghe, coi thực ra về một nơi đạo-tràng, chứ không như mọi chỗ diễn-thuyết khác.

Các chúc-từ đọc xong, thỉnh-giả đều tỏ ý vui-vẻ. Giữa cái chốn núi non vậy bực, cảnh-vật u-trầm, dưới giải-phườn năm màu phơ-phất đang trờn-vờn với những người bình-dân chốn thôn-quê, đủ cả các hạng giá trẻ gái giai, kẻ chào

mời cười nói, người tụng-niệm di-dầm, tiếng người hòa với tiếng ngàn thông reo trước cửa chùa, ồn-ào mà sön sao, cảm-động. Nghe như thuận một cái giọng chân-thực tự-nhiên, hóm-hở như sẽ thấy cái gì, rộn-rục như muốn tỏ nỗi gì, đều là cái giọng tự đáy lòng mà ra cả. Ấy tôi được thấy cái « cảm-tông-giáo » của loài người, thực mới tự lần này. Cõi đó biết cái lòng tin-ngưỡng đối-với một dân-tộc là vốn có và nên có, chỉ tại sự giáo-hóa khéo hay là vung mà thành ra giờ hay là hay đó mà thôi.

Bấy giờ chúng tôi vào thượng-diện, ai nấy đều vái Phật ba vái rồi đi thăm chùa. Chùa này xem sự-tích thì có từ đời Lý về trước, đến đời Trần thì toàn thịnh, làm một nơi đại tùng lâm của Trúc-lâm Tam-tổ. Sau bị hoang-phổ, đến Hậu Lê, chúa Trịnh mới tu tạo lại. Rồi lại bị đồ-nát điêu-tàn. Vì vùng đông-bắc Hải-dương là nơi nhiều cuộc binh-biến, các danh-thắng thường bị va lầy, nào lúc thì nghĩa binh đến đóng, nào lúc thì giặc Tàu tàn-phá, chùa Hun đây lại càng bị hại nhiều. Đến đầu Nguyễn-triều một trụ-tri Thuyền-sư lại mới trung-hưng lên, tòa thượng-diện và nhà tổ còn đến ngày nay là di-tích của Thuyền-sư đó. Thượng-diện khá to, tượng pháp khéo lắm, ngói lợp to bằng cái khay bình chữ nhật kiêu mũi hài mà dầy lắm. Nhà tổ thờ tượng Trúc-lâm Tam-tổ, hai bên thờ tượng các vương hầu đời Hậu-Lê. Tượng tạc đều khéo cả. Đ Sloan chúng tôi lên núi Côn-sơn. Núi ở liền sau chùa, hình như con Kỳ-lân nên cũng gọi là Lâm-sơn. Đường lên núi có bậc đá dễ bước, bên đường có mạch nước nên đất thường ướt, cây cỏ tốt, lên đến lưng chừng là nơi tháp tổ Huyền-quang, tháp đá sanh, quanh tháp có tường hoa, mặt tường có những viên gạch cỡ trạm gấm, lớn và nặng lắm. Đỉnh núi cao ước trăm trượng bao vi ước ba mươi mẫu. Liền trước mặt là giầy núi Phụng-hoàng nơi Tiều-âu Phu-tử ẩn cư, vây kín, giữa một khoảng đất phẳng tức là khoảng dựng chùa Hun, nên cũng gọi là động mà có tên là Thanh-hư động 靑虛洞 và Huyền-thiên động 玄天洞 một tòa thượng diện gọi là Lưu-quang-diện. Mé núi bên đông có mạch nước róc-rách chảy xuống bên tả chùa rồi vòng ra thành cái suối nước trong mát lắm gọi là Thấu-ngọc tuyến 漱玉泉, đời Trần có bắc 1 cái cầu gọi

là Thấu-ngọc kiều 漱玉橋 có tiếng diện Lưu-quang, cầu Thấu-ngọc là kiều khéo lắm.

Tổ Trúc-lâm đệ nhất gặp tổ Pháp-loa ở Nam-sách đưa về đây độ cho và thành đạo ở chùa này. Tổ Pháp-loa có bài thơ Sơn-cư rằng :

Vương thân, vương thế dĩ đô vương,

忘身忘世已都忘

Tọa cửu thê nhiên nhất tháp lương,

坐久凄然一榻凉

Tuế vãn sơn trung vô giáp lịch,

歲晚山中無爽曆

Cúc hoa khai xứ thị trùng-dương.

菊花開處是重陽

Dịch :

*Sự đời quên cả chẳng lôi-thôi,*

*Chiếc chõng quanh rằm bỏ gối ngồi,*

*Ngày tháng chẳng còn sờ đến lịch,*

*Thấy hoa cúc nở đoán thu rồi.*

Sau tổ đệ nhất lại độ cho tổ Huyền-quang ở đây và cho trụ-trì chùa này, tháp này là nơi thờ xá-lợi của Ngài đó.

Đến cuối đời Trần cụ Trần-nguyên-Đán hiệu Băng-hồ 冰壺 một vị tôn-thất, một nhà thi-hào tránh nạn Qui-Ly, cáo quan về lập biệt-thự ở đây.

Cụ Băng-hồ tự tay giồng hàng nghìn cây thông theo hai hàng chạy giải trước Lưu-quang điện, cụ có hai câu thơ rằng :

Lưu-quang điện hạ tùng thiên thụ,

流光殿下松千樹

Đồ thị kinh thiên nhất thủ tài.

都是擎天一手栽

Giấy thông ấy nay còn mấy cây to lắm. Cụ bà Băng-hồ thi cấy thứ cỏ cắt làm chổi rế ở bên giấy thông, tục ở đây có câu « *ông giồng thông, bà cấy rế* », thứ cỏ rế ấy nay vẫn còn, đồn-diễn thu có năm được đến mấy trăm bạc, lại lấy cả nhựa thông ở đấy nữa.

Trần mất Minh sang, cụ Nguyễn-Trãi hiệu Ưc-trai 抑齋 là cháu hiền-tôn thượng về ăn-nấu ở nơi nhà thờ ngoại-tổ

Băng-hồ-công này. Đến sau cụ Ưc-trai giúp vua Lê đuổi được giặc Minh, khôi-phục giang-sơn, làm đến Tể-tướng, cũng lại mến cảnh đẹp Côn-sơn, cáo lão về ở đấy giảng học, nay trên mỏm núi có một nơi cây rậm tốt và có một cái nền đất, gọi là Am-trúc, truyền là nơi học-đường của Ưc-trai Tiên-sinh. Lê Thái-tôn vào thăm Tiên-sinh và cái án Thị-Lộ xảy ra rồi về bắt Tiên-sinh và giết cả họ, cũng ở nơi này. Khi mới về núi Ưc-trai Tiên-sinh có bài « Côn-sơn ca » chữ Hán, cái quan-niệm phú-quí phù-vân với sắc-không không-sắc thực là chan-chứa ở trong những câu ca. Tiên-sinh tuy bị nạn một cách oan-uổng thảm-khốc, nhưng chí-khi, hiếu-trung, văn-chương, huân-nghiệp cùng với Trúc-lâm Tam-tổ cùng thọ với chốn danh-sơn này. Bài Côn-sơn ca xin dịch như sau này :

*Côn-sơn có suối nước trong,  
Ta nghe tiếng suối như cung đàn cầm.  
Côn-sơn có đá lăn-văn,  
Mưa tuôn đá sạch, ta nằm ta chơi.  
Côn-sơn thông tốt ngất trời,  
Ngả-nghiêng dưới bóng ta thò tay tự do.  
Côn-sơn trúc mọc đầy gò.  
Cây cao lá dợp tha hồ liêu-đao.  
Sao không vẽ phất đi nào,  
Đời người vờng-vít xiết bao cát lăm.  
Cơm rau, nước lã an thân,  
Muốn trung nghìn tử có cần quyền chi.  
Tham-lân mấy kẻ xưa kia,  
Trước thì họ Đông (Trác) sau thì họ Nguyễn (Tái).  
Đồng giàu mấy đụn kim-liền,  
Nguyễn, hồ-liều trúa mấy nghìn muôn cân.  
Di Tề hai đấng thánh-nhân,  
Nằm trên núi Thủ nhịn ăn đến già.  
Nào ai khôn giải chỉ mà,  
Chẳng qua chỉ tại lòng ta sở cầu.  
Trái xem trong cuộc bể dâu,  
Người cùng cây cỏ khác nhau chút nào.  
Khốc, mừng, vui, sợ sốn-sao,*

*Đang tươi bông héo biết bao nhiêu lần.*

*Nhục vinh, thân cũng là thân,*

*Nhà hoa cửa trạm, trăm năm còn gì.*

*Sào Do ai bạn tượng-tri,*

*Vào Hun ta đọc cho nghe bài này.*

Xem núi và động sông, vừa 1 giờ chiều, ban trị-sự chi-hội Chí-linh mời vào nhà tổ thụ trai. Chư tăng với tại-gia, khách với chủ cùng nhau sum họp một nhà, phong vị thanh-đạm mà rất vui-vầy. Hai giờ rưỡi chiều, chúng tôi từ giả các Ngài các chi hội Chí-linh, Nam-sách và Hải-dương, cho xe đi lối Phả-lại, qua Bắc-ninh về Hà-nội. Cuộc đi chứng lễ này được xem cảnh-trí Côn-sơn, di-tích các vị-nhân, ai cũng lấy làm vui-vẻ.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

## BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA CỤ TUẦN-PHỦ BŨI-THIỆN-CĂN

đọc tại chùa hội-quán chi hội Phật-giáo Phú-tho

(Tiếp theo)

— Đức Phật-tổ xét biết rằng cái ác linh con người ta phát-sinh ra là bởi 6 cái ác căn tôi vừa nói ở trên mà tội ác con người ta phạm vào lại nặng nhẹ khác nhau ; cho nên ngài tìm phương mà chày chữa cho chúng sinh cũng như ông lang ấn mạch mà cho thuốc.

Ngài lập ra 5 phép tu hành sau này : bắt đầu tự trình độ thấp dần dần lên cao, để cho chúng sinh tùy liệu cái trí thông tuệ của mình với đến bậc nào thì tu trì theo bậc ấy.

1<sup>o</sup> — *Tu nhân-thặng* — Phép tu này là một phép tu dẫn đi thông thường để cho chúng sinh bất cứ bậc nào có lòng mộ đạo là theo được cả, không phải xuất gia thí phát.

Phép tu này cần phải giữ :

**Tam Qui và Ngũ Giới.**

Tam Qui } Qui Phật,  
          } — Pháp,  
          } — Tăng.

Ngũ Giới { *Giới sát,*  
 — *đạo,*  
 — *dâm,*  
 — *vọng ngữ,*  
 — *tửu.*

Năm giới này đạo Phật khuyên người ta trì giới về sự thực hành cũng chẳng khác gì đạo Khổng giáo ta phải giữ cho trọn 5 điều :

*Nhân, nghĩa, lễ, trí, tin, vậy.*

2<sup>o</sup> — *Tu thiên-thặng* — Phép tu này chia ra làm 3 bậc :

*Dục-giới-thiên,*

*Sắc-giới-thiên,*

*Vô-sắc-giới-thiên.*

A) *Dục-giới-thiên* — Muốn tu lên cõi này phải tu trì ngũ giới và làm 10 điều thiện, nghĩa là tránh khỏi 10 điều ác kể sau này, tức là làm lộn được 10 điều thiện vậy.

惡 十

三 意	四 口	三 身
不	不	不
癡 瞋 貪	惡 兩 妄 綺	淫 盜 殺
	口 舌 語 言	

B) *Sắc-giới* : Muốn tu lên Sắc-giới-thiên phải tu theo 4 phép thuyền-định, nghĩa là tĩnh-tâm định-tâm mà ngồi suy nghĩ đạo lý.

C) *Vô-sắc-giới* : Muốn tu lên cõi Vô-sắc-giới-thiên, phải tu theo 4 phép thuyền-định. Tu cách này, nếu đắc đạo ra khi còn sống ở cõi đời đã hưởng cảnh Vô-sắc-thiên, đến khi hóa sẽ sinh ngay lên cõi Vô-sắc-thiên.

3<sup>o</sup> — *Tu thanh-văn-thặng* — Phép tu này chia ra làm bốn bậc.

Đại lược phép tu này phải hiểu rõ nghĩa bốn *diệu-đế* là 4 phép màu của ngài khi mới ngộ đạo.

Tứ diệu đế { *Khô đế,*  
*Tập đế,*  
*Diệt đế,*  
*Đạo đế.*

Đây tôi xin nói nghĩa chữ *khổ đế* :

Phật giẫy chúng-sinh ở cái đời ngũ-trước này là khổ ; ốm là khổ, già là khổ, chết là khổ; muốn mà không được là khổ, ghét mà phải hợp, ưa mà phải ly là khổ.

Đây tôi xin nói về tập-đế, nghĩa là nhân cái nọ mà hợp tập thành cái kia, càng tham, càng muốn, càng được càng tham. Đó cũng là nguyên nhân sự khổ ở đời.

Đây tôi xin nói về diệt-đế.

Nghĩa là đã biết ở đời là khổ phải tìm phương mà diệt cái khổ ấy đi. Mà muốn diệt cái khổ trước hết phải trừ lòng tham là ác-tính đứng đầu trong 3 ác-tính (Tham, sân, si).

Đây tôi xin nói về đạo-đế.

Nghĩa là phải tu hành noi theo con đường chính thời mới mong diệt được khổ.

Tám con đường chính là : 1<sup>o</sup> chính kiến 正見 ; 2<sup>o</sup> chính tư duy 正思惟 ; 3<sup>o</sup> chính ngữ 正語 ; 4<sup>o</sup> chính nghiệp 正業 ; 5<sup>o</sup> chính mệnh 正命 ; 6<sup>o</sup> chính tinh tiến 正精進 ; 7<sup>o</sup> chính niệm 正念 ; 8<sup>o</sup> chính định 正定.

4<sup>o</sup> — *Phép tu duyên-giác-thặng*. — Phép tu này để dành riêng cho các nhà cao đạo xuất gia tu hành. Tu phép này cần phải hiểu cho thấu nghĩa 12 cái nhân duyên vừa dứt cho tuyệt những cái nhân duyên ấy.

12 nhân duyên là : 1<sup>o</sup> vô minh 無明 ; 2<sup>o</sup> hành 行 ; 3<sup>o</sup> thức 識 ; 4<sup>o</sup> danh sắc 名色 ; 5<sup>o</sup> lục xứ 六處 ; 6<sup>o</sup> xúc 觸 ; 7<sup>o</sup> thọ 受 ; 8<sup>o</sup> ái 愛 ; 9<sup>o</sup> thủ 取 ; 10<sup>o</sup> hữu 有 ; 11<sup>o</sup> sinh 生 ; 12<sup>o</sup> tử 死.

5<sup>o</sup> — *Phép tu bồ-tát-thặng* — Phép tu này trước hết phải tự giác ngộ đạo Phật-đà, rồi đem giác ngộ cho người, theo cái phương pháp tu hành gọi là lục độ 六度 : 1<sup>o</sup> bố thí 布施 ; 2<sup>o</sup> trì giới 持戒 ; 3<sup>o</sup> nhẫn nhục 忍辱 ; 4<sup>o</sup> tinh tiến 精進 ; 5<sup>o</sup> thiền định 禪定 ; 6<sup>o</sup> trí tuệ 智慧.

Về vấn-đề luân-lý, đạo Phật cũng rất lấy làm chú trọng. Trong kinh lễ 6 phương ngài giẫy :

1<sup>o</sup> — Con phải thờ cha mẹ cho trọn 5 đường hiếu kính. Cha mẹ lại phải nuôi nấng giẫy giỗ con cái cho trọn bổn-phận.



20 — Học trò phải thờ thầy cho hết đạo làm trò, mà thầy phải ở lại với trò cho hết đạo làm thầy.

30 — Vợ ở với chồng cho hết đạo nội-trợ tề gia, lúc nào cũng kính theo nhờ chồng giậy bảo, mà chồng cũng phải để quyền nội-trợ tề-gia cho vợ, không nên đối-đãi cay-nghiệt, đem lòng ngờ vực.

40 — Họ hàng bè bạn phải khuyên bảo nhau, dúp đỡ nhau, mới phải đạo.

50 — Chủ nhà đối với người ở phải có lòng thương yêu, dúp-đỡ, thì chúng ở lại với mình mới hết lòng trung-thành.

60 — Đối với người trên đã có lịch-duyet kiến-thức hơn mình phải biết kính trọng và nghe nhờ, mà người trên đối lại với kẻ dưới phải biết thi-hành phép lục-dộ.

Trong cách sử thế ngài lại còn giậy chúng ta phải biết nhớ bốn cái ơn lớn.

10 — Phải nhớ ơn tam-bảo đã giậy ta các phép mẫu về đạo-lý.

20 — Nhớ ơn quốc-vương đã dũ-gìn trật-tự cho chúng ta được an-cư lạc-nghiệp.

30 — Nhớ ơn cha mẹ đã có công cùc-dục sinh-thành.

40 — Nhớ ơn chúng-sinh, vì có chúng-sinh, mỗi người một nghề nghiệp, dúp đỡ lẫn nhau nên chúng ta mới làm nên được công này việc khác ở đời.

Đây tôi xin nói về thuyết Nhân-quả luân-hồi.

Trong kinh Nhân-quả giậy rằng :

要	知	前	世	因
今	生	受	者	是
要	知	來	生	果
今	生	作	者	是

Nghĩa là : muốn biết cái công việc kiếp trước của mình làm thiện hay làm ác, thì không phải xem xét ở đâu xa, cứ nghiệm ngay cái phúc mình được hưởng, hay cái họa mình phải chịu đời này thì biết.

Muốn biết kiếp sau mình sẽ được hưởng phúc hay thụ

họa thì không phải tìm xét ở đâu xa, cứ nghiệm ngay công việc của mình làm làm' hay dữ ở đời này thì biết.

Lại có câu :

假使百千劫  
所作業不  
因緣會過  
果報還自受

Nghĩa là : Giả sử trăm nghìn kiếp trước mình làm điều gì có công hay có tội, thì cũng không quên đâu, chỉ chờ nhân-duyên cơ-hội gặp nhau mà báo ân hay báo oán chẳng chút sai nhầm.

Ngẫm nhời Phật giảng trong kinh Nhân-quả như vậy, nay tôi thử đem một vài cái thí-dụ trông thấy nhơn tiền mà chiêm-nghiệm đủ chứng ra được rằng lời ngài giảng là không sai.

Có người bầm sinh ra xinh đẹp mạnh khỏe, thông minh.

Có người xấu xa, ngu hèn, tàn tật.

Có kẻ làm nên giàu có.

Có kẻ chịu cảnh nghèo hèn.

Có người mới gặp nhau đã ưa.

Có kẻ vừa nom thấy đã ghét.

Cho chí cha mẹ, con cái, anh em, vợ chồng mà kiếp này gặp nhau là điều có cái nhân-duyên từ kiếp trước cả, dù cách xa đến trăm nghìn kiếp trước mà kiếp này được dịp gặp nhau, một là báo-ân, hai là báo-oán. Cho nên người ta ở đời này dù gặp cảnh-ngộ nào mặc dầu cứ nên nhẫn-nhục, vì cái xướng, cái khổ điều là nghiệp báo của đời trước cả, không sao tránh khỏi, duy chỉ có cái nhẫn nhục, tinh-tiến mà hành đạo thì mới mong giảm bớt được cái khổ đời nay, mà lại có cái hy-vọng diệt khổ cho kiếp sau nữa.

Trong kinh Sát-bàn giảng :

Nghiệp báo có ba thứ :

1<sup>o</sup> — là *Hiện-báo* : nghĩa là mình làm thiện hay ác thấy báo ứng ngay cho mình ở đời này.

2<sup>o</sup> — *Sinh-báo* : nghĩa là kiếp trước mình làm thiện hay ác, kiếp này mới thấy quả báo, kiếp này làm thiện hay ác, kiếp sau mới thấy quả báo.

30 — *Tức-báo*: nghĩa là kiếp này mình làm nên việc phúc họa thì ngay đời mình được hưởng thụ hay phải chịu.

Xem như thế đủ biết lẽ có công tu hành thì sự báo ứng cũng mau lắm.

Ông Tăng-tử nói: 戒之戒之出乎爾者反乎爾者也 nghĩa là phải nên dân sợ, cái gì mình làm ra thì tự mình phải chịu lấy.

Ông Lão-tử nói: 天網恢恢疎而不漏 陽網疎而易漏 陰網密以難逃.

Nghĩa là: Lưới giời lòng-lọng, thưa mà không sót, lưới dương-dan thưa mà dễ lọt, lưới âm-phủ giầy mà khó trốn thoát. Hai câu ấy lại càng rõ cái nghĩa nghiệp-báo tôi vừa nói ở trên một cách thấu-triệt vậy...

---

## CÔ NGUYỄN-THỊ-HAI, PHÁI-VIÊN CỦA NAM-KỶ THÔNG-THIÊN HỌC-HỘI

đi dự hội-nghị ở Madras đã về đến Saigon

có nói chuyện: một tháng ở xứ Phật

*Cô Nguyễn-thị-Hai một nữ giáo-viên ở Gò-công, vâng lệnh Nam-kỳ Thông-thiên-học hội (Société Théosophique branche Leadbeater) phái đi dự đại hội-nghị tại Adyar (Madras, Ấn-độ) khai mạc ngày hôm 25 Décembre để kỷ-niệm lục thập châu niên của hội. Cô giáo Hai đáp tàu d'Artaignan nhằm bữa 7 Décembre 1935 đến Colombo, rồi sang tàu khác mà tới thành Madras.*

*Ngoài cái trọng-trách đi dự hội-nghị thông-thiên-học này, cô Hai còn thừa dịp viếng xứ Phật và khảo-cứu nhiều di-tích của Phật.*

*Bữa 31 Janvier rồi, cô Hai lại đáp tàu Bernardin de St Pierre mà về tới Saigon.*

*Tối chủ nhật 2 Février, cô giáo Hai có đem những điều tai nghe mắt thấy ở xứ Phật, mà thuật lại cho nhiều người trong hội biết tại hội-quán ở đường Vassoigne số 48.*

Trước khi nói đến « một tháng 3 xứ Phật » của cô giáo Hai, chúng tôi xin nhắc sơ qua cái lịch-sử của khoa-học thông-thiên và vì sao lại có cuộc đại hội ở Madras vừa rồi.

### Thông-thiên-học ra đời lúc nào ?

Người xứ ta, phần đông chắc chưa có ai nghe nói đến « thông-thiên-học » và cũng chưa hiểu hội thông-thiên-học là một loại gì.

Hội ấy thành lập hồi năm 1875 tới nay, có ba mục-đích như sau này :

1) Đào tạo chủ-nghĩa bác ái cho dân nước nào thuộc tôn-giáo nào, chẳng hạn vân vân...

2) Nâng chí kẻ khác nghiên-cứu các tôn-giáo triết-học và khoa-học trong vũ-trụ.

3) Nghiên-cứu những luật mầu nhiệm trong vũ-trụ và những phép ẩn vi trong bản thân của con người.

Chỉ có cái mục-đích thứ nhất là đáng cho hội-viên phải nghe theo và làm theo hơn hết.

Người đứng ra sáng lập hội Thông-thiên-học là bà Hélène Pétrovna Blavasky, người thuộc dòng qui phái Nga-la-tur. Tâm-tính cứng cỏi, trí-tuệ thông-minh, lúc bé, bà ưa nghe những chuyện ma-quỉ, thích những phép thờ-thông, nên lúc đó bà đã vội đem mình đi du lịch xứ xa. Bà từng đi miền Nam Mỹ-châu, đông Âu-châu và Á-châu. Bà cũng có ở Tây-tang nữa. Bà lập Thông-thiên-học hội, năm 1875 tại thành Nữu-uớc (Hoa-kỳ) sau rồi đến 17 Décembre 1878, hội ấy lại dời về Adyar (Madras) bên xứ Ấn-độ.

Bà có gặp quan năm Olcott. Hội Thông-thiên-học ngày nay cũng nhờ cái ơn của quan năm Olcott nhiều lắm.

Nhờ có tính hòa hữn và bình-tĩnh mà ông Olcott được cử làm Chánh-hội-trưởng còn bà Blavasky lại làm thư-ký ngoại giao.

Quan năm Olcott từ trần tại Adyar, bà Annie Besant người Anh lại lên thay thế, đến năm 1933, bà từ trần. Cái trọng trách Chánh-hội-trưởng hội Thông-thiên-học ngày nay lại về tay ông Georges Arnaud (người Anh).

Năm 1907, hội Thông-thiên-học chỉ có 500 chi ngành trong 32 nước trên hoàn-cầu thái. Đến năm 1929, hội ấy đã có tới 159<sup>2</sup> chi ngành trong 47 nước.

Hội Thông-thiên-học ở Nam-kỳ thành lập năm 1934 là một chi ngành của chi ngành Leadbeater bên Pháp.

Hiện thời ở Nam-kỳ, người theo hội mới được chừng 60 người, phần nhiều là nhà thương-mại trí-thức.

### Cô giáo Nguyễn-thị-Hai

Cô giáo Nguyễn-thị-Hai, dạy ở trường Gò-công, năm nay đã được 28 tuổi rồi.

Với cái tuổi ấy, cô lại là người trong số người đứng ra gây dựng hội Thông-thiên-học ở Nam-kỳ.

Cô vào hội năm 1931, đối với hội là người rất có tâm công-phu.

Vì có cuộc lễ kỷ-niệm hội Thông-thiên-học sống trên mặt đất này được 60 năm rồi, cô giáo Hai một mình đi dự hội, đem theo mình cái đạo, thờ bên mình cái chân lý.

Bữa chiều thứ bảy rồi, tôi đến hội-quán hội Thông-thiên-học tìm cô giáo Hai, nhưng không gặp vì cô đã về Gò-công rồi.

Sáng chủ nhật tôi lại đến nữa, cô ở Gò-công chưa lên tới-Liền này tôi được liếp chuyện với nhiều hội-viên của hội Thông-thiên-học Nam-kỳ, trong số đó ông Bạch-Liên là một.

— Thưa ông chừng nào có mặt cô giáo Hai tại đây?

— Chiều nay, 5 giờ, nếu 5 giờ không có thì chắc hẳn 7 giờ.

— 7 giờ có nhóm hội?

— Phải, 7 giờ có nhóm hội. Cô giáo Hai sẽ thuật chuyện của cô đi dự hội và một tháng viếng xứ P'hát cho hội-viên nghe.

— Ngoài ra không ai được nghe hết?

— Người nào có chân trong hội mới được nghe thôi.

Nghe nói thế, tôi có chiều thất vọng.

Thấy vậy, ông Bạch-Liên lại nói.

— Không sao, tối nay, ông cứ đến, nếu tôi xin phép ông hội-trưởng đừng thì ông sẽ được dự phiên nhóm đó.

Ngẫm-nghi giây lâu, tôi lại hỏi ông Bạch-Liên.

— Chẳng biết cô Hai sang xứ Phật, ai chịu tiền lộ-phí cho cô ?

— Hội Thông-thiên-học bên Pháp có gửi cho 1.000 quan. Ở đây mấy hội-viên có giúp thêm chút ít. Ngoài ra, cô Hai chịu hết.

— Cô ấy giàu ?

— Cô có tiền l... Cô ấy còn dương dạy học. Cô phải xin nghỉ một tháng rưỡi để đi dự hội ở Adyar.

### Ông Jinarajadasa

Trong lúc ngồi nói chuyện để chờ cô Hai, ông Bạch-Liên có chớ lời hay rằng đến 1<sup>er</sup> Mars này. Nam-kỳ sẽ có một khách mới : Ông Jinarajadasa,

— Ông ấy là người thế nào ?

— Ông là người sinh ở tại đảo Tích-lan (Ceylan) bên Ấn-độ. Ông lại là một bậc danh-nhân trong đạo đức giới.

Cha mẹ ông và ông đều theo đạo Phật về phái Nam-lôn (Tiểu-thừa).

Sau khi ông ở nước Anh trong 4 năm, ông về nước làm phó Hội-trưởng một Phật-học đường.

Năm 1904, ông Jinarajadasa lại để tâm lo về Thông-thiên-học. Ông đã từng đi diễn thuyết trong nhiều xứ bên Âu, Mỹ, Úc-châu vân vân....

Từ năm 1921 đến năm 1928, ông làm phó Hội-trưởng cho hội Thông-thiên-học.

Năm nay, ông đã được 60 tuổi rồi.

— Ông ghé đây có mục-dịch gì ?

— Hành đạo... Ông sẽ mở một cuộc diễn-thuyết tại nhà hội khuyến-học mời tất cả những người tại chỗ trong các tôn-giáo đến dự. Cái tài thuyết-pháp của ông, chắc khó ai ăn qua nổi.

Sau rồi ông Bạch-Liên lại nói :

— Đó cách biết đạo, hiểu đạo và hành đạo của người ta như thế đó, có đâu như người mình ngày chỉ tối chỉ mượn tiếng chuông câu kệ để thụ lợi riêng, làm sao hiểu thấu Phật-giáo cho được....

## Nói chuyện với cô Nguyễn-thị-Hai

Thật lấy làm may mắn, chiều lại tôi còn ghé hộ i-quán hội Thông-thiên-học một lần nữa, cô Nguyễn-thị-Hai lại ngồi xe hơi nhà cũng vừa đến nơi.

Con người vui vẻ, nhăm-lẹ, ăn nói rành rề, cô giáo Hai bước vô hội-quán chào tôi. Tôi vội vàng đứng dậy và ngỏ lời muốn hầu chuyện với cô.

Chẳng câu-nệ, chẳng rút-rề, cô Hai ngồi tự nhiên, cô chưa kịp mở lời, tôi đã nói.

— Thưa cô, tôi được hay tin cô đi Ấn-độ về, mà hay trễ quá; mấy lần đến đây tìm cô không được gặp. Nay gặp cô đây, cô cũng nên vui lòng cho tôi biết ít câu chuyện ở xứ Phật.

Không suy nghĩ, cô Hai vừa cười, vừa nói :

— Ông đã có lòng tưởng đến, tôi lẽ nào chẳng đem hết những điều tai nghe mắt thấy của tôi ở bên ấy thuật lại cho ông nghe sao !

Cuộc hành-trình của tôi, thật có nhiều cái thú vị lắm. Trong đời tôi, lần thứ nhất tôi mới thấy được một cảnh, nếu tôi chẳng ngại, tôi có thể nói là cảnh Bồng-lai thứ nhì.

Đi có người đưa, về có kẻ rước, đến nơi có nhiều người khác chào mừng vui vẻ, khiến cho tôi bây giờ ngồi tại đây mà tâm hồn còn phảng phất như con sông Adyar, thành-phố Adyar, người ở Adyar...

Tàu đến Singapour, có hội Thông-thiên-học ở đó đem xe hơi rước đi dạo châu thành. Đến Colombo cũng vậy.

Tôi đến Colombo và có viếng nhiều cảnh ở đảo Ceylan thật tốt, liếc vì tôi không có đem hình theo đây-cho ông làm cliché đăng báo.

Tôi có viếng nhiều kiêu chùa nguy-nga đồ sộ. Chùa ở đảo Ceylan khác xa chùa ở mình. Ở mình chùa thờ không biết mấy tượng Phật.

Chùa ở đó chỉ thờ có một tượng Phật mà thôi.

Chùa của mình cúng cơm cúng bánh đủ thứ, chùa của người ở Ceylan chỉ cúng bông mà thôi. Sự khác xa như thế đó lạ gì.

— Vì người ở đảo Ceylan đều theo đạo Phật phải tiêu-thừa.

— Phải, họ theo phái đó.

Ở Ceylan, tôi sang tàu đi Madras, một thành-phố rất rộng lớn và tốt đẹp. Tôi Madras, tôi còn phải đến Adyar, một thành-phố cách xa Madras 12 cây số, một thành-địa.

Thành này đã lớn, tốt đẹp, lại thêm có con sông chảy ngang thành ra càng thêm tốt đẹp nữa.

— Ở Adyar ?

— Thời còn nói gì nữa, tôi đến Adyar, tôi chỉ thấy người ta là người ta.

Đại biểu các nước, các chi ngành đều có mặt hết. Ở Âu-châu nhiều lắm. Có ông giá đầu bạc rưng lọng ở xứ Finlande, xa hết sức xa, mà cũng hằng hái đi đến dự lễ 60 năm của hội Thông-thiên-học. Ở Nam Mỹ-châu và Bắc Mỹ-châu cũng có phái người đi.

— Đại-biểu phụ-nữ nhiều hay ít ?

Cô Hai nói nhiều lắm rồi ra vẻ nhớ :

— Số đại-biểu đàn bà bằng số đại-biểu đàn ông. Có một cô đầm ở Paris tên Mallet, nhà cửa của cô ở Normandie cũng có đến dự lễ nữa. Cô này ăn chay từ nhỏ tới lớn. Nhiều bà thấy tôi, họ vui vẻ nói : « Chà, cô mặc áo đẹp quá ».

Tôi mặc áo dài An-nam được khen kiểu áo An-nam đẹp, tôi rất vui. Có nhiều bà biểu tôi đưa áo cho mấy bà mặc thử. Nhưng, vóc vóc của mình nhỏ nhit quá, còn mấy bà ai cũng lo lớn dính dáng, làm sao mặc áo của tôi cho vừa.

— Trong đám đại-biểu ở Viễn-đông, ngoài cô ra, còn ai hết ?

— Tôi chẳng thấy ai nữa. Chỉ có tôi là một người An-nam ở Viễn-đông đi dự hội ở Adyar mà thôi.

— Tàu ? Nhật ?

— Không, Tàu, Nhật, Xiêm gì cũng không có ai đi hết.

— Tại sao vậy ?

— Không lạ ! Ở mấy xứ Âu-châu hoặc mấy nơi khác, hội thông thiên-học được nhiều người hâm mộ vì họ giàu nhiều, họ khỏi lo bề vật-chất của họ nên họ mới có đủ sức mà trau



đổi tinh-thần. Chờ ở Viễn-đông mình ta lớn chúng chưa hiểu biết thông-thiên-học bao nhiêu vì ta nhỏ nhỏ, nhỏ nhỏ, nhỏ nhỏ quá, đương to vật lộn với cái đời thì tư-thần đâu có được thơ thới. Song, thế nào rồi đây cũng phải có người...

— Thưa có, có tất cả bao nhiêu đại-biểu tại Adyar ?

— Bữa đó, tính ra số người biến vào số thì tôi thấy có trên 1500 người.

Còn ngoài ra, không biết bao nhiêu người đến nghe giảng chân lý.

Có đông người như vậy, tôi mới thấy rõ chỗ thực-hành của hội thông-thiên-học.

Người sang, kẻ hèn gì cũng mặc, ông lớn, người nhỏ gì chẳng kể hễ đến đó thì được ngồi chung với nhau, không phân biệt gì hết.

Đến chỗ nào chật, ai tới trước thì ngồi trước, ai tới sau thì đứng.

Ở Adyar, mỗi ngày nghe giảng bài cũng đủ mệt. Nhiều người, có nhiều ý-kiến, giảng nghe hết sức hay.

— Họ giảng bằng tiếng gì ?

— Tiếng Anh có, tiếng Pháp có, nhưng phần nhiều là tiếng Anh. Nhờ tôi có học chút ít tiếng Anh không thì cũng phải chịu thiệt.

Theo chỗ tôi thấy, ở Adyar, một người cu-li xe kéo cũng dùng tiếng Anh, chứ không lựa người trí thức.

— Mấy hạng người có mặt tại buổi nhóm ?

— Đủ hết hạng người. Hạng đê hèn nhất ở Ấn-độ mà người ta thường gọi là hạng Intouchables cũng có mặt tại đó nữa. Thầy tu có, bà phước có, các tôn-giáo đều có.

Tôi có viếng thư-viện ở Adyar một thư-viện hết sức lớn. Có đủ sách để cho mình nghiên cứu tất cả các thư tôn-giáo.

Tôi có thấy sách đạo Phật viết bằng chữ Phạn. Thật, một kho sách đầy đủ, tôi chưa từng thấy bao giờ.

— Cô có đi viếng các nơi ?

— Ở Adyar nghe giảng được 10 ngày, tôi có theo nhiều người, đi viếng các nơi. Tôi có đi Bénarès. Bénarès, có tiếng

là thành-phố thì nơi đó có nhiều chùa rất đẹp. Tôi có đến cây Bồ đề một gốc của Phật Thích ca ngồi tu. Hiện nay, gần bên cây Bồ đề ấy, người ta có cất cái nhà nhỏ để vọng.

— Còn sông Gange? Người ta cho nước sông Gange là nước thánh, hề! Mưa thì hết tới!

— Nói vậy thì hay vậy, chớ lúc tôi đến sông Gange, tôi chỉ thấy như sông Cửu-long-giang ở xứ mình, nước thì bùn, không có gì lạ.

Có một điều lạ hơn hết...

Nói đến đây ở Hai ngừng lại, thở ra...

— Điều gì lạ thế?

— Phật Thích ca sinh-trưởng tại Ấn-độ, tu cũng ở Ấn-độ, thế mà cái đạo Phật ở Ấn-độ bắt buộc mà ngày nay ít người theo đạo Phật ở Ấn-độ.

— Có lẽ có lý lẽ gì sử đạo Phật nhiều hơn tôi. Cô cũng biết vì tình-thế kinh-trị ở Ấn-độ bắt buộc mà ngày nay ít người theo đạo Phật ở Ấn-độ.

— Tuy vậy ở Tàu, Nhật và nhiều nước khác còn theo nhiều. Có Hai năm trước. Cái cười ấy có cái ý nghĩa sâu xa, chỉ cho tôi biết rằng cô còn hi-vọng cho đạo Phật không đến lúc điêu-tàn sẽ được phục-hưng.

Phóng-viên báo Việt-Nam

### TÂM THÂN TRÚC-LÂM TAM-TỒ

Làm vua làm tướng sừng nào bằng,

Chân cảnh Diêm-phù dạ đứng đứng.

Màu đạo lá xanh gây ấm bụi;

Cửa thuyền cây góp đã nên rừng.

Che giả mắng mọe ngày thêm nở,

Bóng cả cây cao sự đang mừng.

Nhờ có rừng tre rong đuốc tuệ,

Giời Nam đất Bắc sáng tung bùng.

Phượng-sơn NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH

# Nhân-quả tiểu-uyết

## 因果小 說

(Tiếp theo)

Chiều hôm ấy có một bọn 5, 6 niên, đi qua tạt vào chơi với Tiên-sĩ

Nhân có gạo nếp và thịt dó, Tiên-tối và bữa sáng hôm sau để cho các tết dành chỉ có nên nhang và bả hào mua mấy quả trứng và be rượu

Sáng mồng một tết năm Đinh-vy xóm rộn rịp những nêu cao phác thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ, mà như tờ, Tiên-sinh nghĩ thương cho cả vợ con nữa.

Trưa hôm ấy một ông Tú người kém mà may thi đậu được cái Tú-tình đồng học lại chơi lễ tết, và hèn nhơ mà tết nhất lại không viết đối

Tiên-sinh thở dài mà thú thực giấy và cũng không có hứng làm.

Ông Tú đọc câu đối dán tết như

Cục nhân-gian chi phẩm giá; ph

極人間之品價, 風

Tối thế thượng chi phong lưu; gi

最世上之風流, 江

Nghĩa là : Phẩm giá nhất ở nhân

Phong-lưu tột trên trầ

Sau khi ông Tú về, Tiên-sinh cười nói « trào phúng như sau này :

Nhập thế-cục bất khả vô văn

入世局不可無文

Chẳng hay ho cũng cố gắng một

Huống thân danh đã đổ Tú-tài, g

câu-đối.

đi dạy học, tất

ai chia làm bữa

sơi, thế thì ngày

lã, may còn vài

g tết mà thôi.

ngoài làng trong

nh chưng xanh,

h thì lạnh ngắt

và lại thương

làng, học lực còn

in Tiên-chỉ, lấy

ảng : « Sao nhà

lân tết nào cả? »

thông mua được

:

uyệt tình hoài,

懷

khí cốt.

氣骨.

liah hoài phong

nguyệt,

khí cốt giang hồ.

nhà đặt bài «hát

:

ngày tết phải có đôi

đôi

Đổi rằm.

Cực nhân giờ... ni phẩm giá, phong nguyệt tinh hoài,  
Tối thể thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt,

*Viết vào giấy dán ngay lên cột, có tú ơi rằng dốt hay hay? — Thưa rằng hay thực là hay, chả hay sao lại đồ ngoy Tú-tài, xưa nay em vẫn chịu ngài.*

Tiên-sinh ngồi gât gù đánh chén, vừa ngẫm nghĩ lại vừa cười, nhưng lại hỏi tưởng cái thân thể của mình ra làm sao? Ngâm đi ngâm lại câu thơ của ông Tú-Xương: « Học đã sôi com mà chữ chín; Thi không ăn ớt thể mà cay.

Khoa này đã vậy khoa sau thế nào?

Lại còn ngặt nghèo một nỗi là khoa Kỹ-Rậu sau (1909) đòi phép thi: kỳ đệ nhất 5 đạo văn sách, kỳ đệ nhị hai bài luận, đều chữ nhỏ cả, cũng chả khó gì, nhưng đến kỳ đệ tam thi bài quốc-ngữ và tính la những thứ mà mình chưa học bao giờ, thì thi làm sao được? (Còn nữa)

### VĨNH CHÙA QUÁN-THÁNH

Khảo cổ ngày nay chuyện rõ không?  
Ngọn chùa Quán-Thánh trái bao đông?  
Giới Nam khí tượng riêng hồ Trúc,  
Trần Bắc cao tay vững tượng đồng.  
Bình hỏa đã qua tay Mã-Viện,  
Tang thương còn lại giấu Thăng-Long.  
Lên chùa vắng lạnh lòng man mác,  
Bia đá rêu xanh chữ mấy giòng.

\* \*

### VĨNH CHÙA KIẾN-SO

Dem đạo sư-bi đề gọi hờn,  
Đổi công làm nắng, đại làm khôn.  
Sử nam tự tiện xưa chưa có,  
Đất Bắc sơn non bấy hãy còn,  
Chùa lập cùng làng Ngài Đồng-Thánh,  
Phật truyền vào nước Tổ Vô-ngôn,  
Tin đồ con cháu rờng tiên cả,  
Bồ-tát công đức yên rạng nước non.

Phượng-sơn NGUYỄN-NHIÊN-CHÍNH

# PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

## 佛學辭典輯要

### Ấp

**Ấp-sa-du** 壓沙油, — Dầu ép ở cát ra, nói ví dụ, nghĩa là vật không thể có được.

**Ấp-du-luân-tội** 壓油輪罪, — Tội của nghề ép dầu nó làm xát hại nhiều trùng trong hạt dầu.

### B

**Ba-li-rgũ** 巴利語 (Pali), — Tiếng nói của một xứ về Nam-Thiên-Trúc ngày xưa, và là tiếng chép thành-kinh của Phật-giáo Nam-tông, các bản kinh Tiểu-thừa Nam-tông bây giờ đều chép bằng thứ tiếng này. Tiếng này giản dị hơn tiếng Phạm Bắc-tông. Bắc-tông gọi tiếng ba-li ngữ là « Cỗ-ma-ca-đa ».

### Bác

**Bác-hất-sô** 博吃葛 (Paksa), — Ma-quản, vảy-cánh bẻ dể.

**Bạc-địa** 薄地, — Bạc cũng là bực, bạc-địa là chỗ đất bực-bách, tức là cõi Tứ-đại-châu 四大洲 của những kẻ phàm-phu ở.

**Bạc-ca phạm** 薄迦梵 (Phagavat). — Tiếng Hán-ngữ là Thế-tôn 世尊, tôn-hiệu đức Thích-Ca. Có chỗ gọi tắt là Bạc-ca, nên gọi địa-vị của Thế-tôn là Bạc-ca-địa 薄迦地.

**Bạc-phúc** 薄福, — Kém phúc, vì không có Thiện-căn đời trước lưu lại.

**Bạc-chứng** 薄證, — Sự chứng-ngộ mỏng-mảnh.

### Bách

**Bách-nhất-vật** 百 - 物, — Vị tử-khâu chỉ được giữ một vật trong các vật khi dụng như là đồ xe-pháp, còn ngoài ra gọi là tràng vật 長物 nghĩa là vật thừa cả. Nên cũng gọi là bách nhất cung thân 百 - 供身.

**Bách-nhất-bệnh-não** 百一病惱, — Thân tứ-dại 四大, mỗi phần bị tổn hại thì sinh ra đủ một trăm bệnh. Bốn phần đều bị hại thì sinh ra đủ bốn trăm bốn bệnh tức là « *tứ bách tứ bệnh* 四百四病 ».

**Bách-bát-trung** 百八鍾, — Phép đánh chuông hằng ngày hai buổi chiều và mộ mỗi lần đều đủ 108 tiếng, phân ra ba hồi, mỗi hồi 36 tiếng, Chiều đánh là để tỉnh-thức cho chúng-sinh mơ ngủ đêm trăng nên trời giẫy, mộ đánh là để gọi báo đêm tối cho chúng sinh biết đời tối tăm mà tránh.

**Bách-bát-hoàn** 百八丸, — Số chuỗi tràng 108 mầu-ni, **Bách-bát tam-muội** 百八三昧, — Một trăm tám pháp định.

**Bách-bát phiến-não** 百八煩惱, — 108 sự phiền não. Do phiền não sinh ra nghiệp, nên lại gọi là 108 cái kết nghiệp. Phiến não do sáu căn sinh ra. Mỗi căn sinh ra 6 sự phiền não hợp thành 36, lại nhân với 3 là *tám, ý thức*, tức là  $36 \times 3 = 108$  phiền-não.

**Bách-nhật** 百日, — Một lễ tang sau khi người thân chết đến ngày thứ 100 thì làm lễ cúng Phật cầu cho vong hồn được siêu độ. Lễ này ở Á-đông mới có tự đời Hán là sau khi đạo Phật đã truyền vào Tàu.

**Bách-pháp** 百法, — Duy-thức tông nói các hiện tượng của thế-gian và xuất-thế-gian có 100 phép thuộc về 5 ngôi như sau này:

I—**Tâm-pháp** 心法, — Có 8 điều tức là bát thức (Lục căn và hai thức mặt-na và a-lại-gia).

II—**Tâm-sở hữu-pháp** 心所有法 có 51 điều: 11 điều thiện, 6 điều phiền-não, 20 điều tùy phiến-não, 4 điều bất định.

III—**Sắc-pháp** 色法 có 11 điều: ngũ uẩn và lục trần.

IV—**Bất-tương ứng-hành** 不相应行 sự làm không tương ứng có 24 điều: Sinh, lão, trụ, vô-thường v. v.

V—**Vô-vi** 無爲 có 6 điều. Bất động vô-vi, chân như vô-vi v. v.

Đến 15 tháng 2 ta này Nam-triều làm lễ Nam-giao đại-tự, quan Thống-sứ Bắc-kỳ có cử cụ Hiệp-tá sung Bắc-kỳ Cố-vấn Nguyễn-năng-Quốc là Hội-trưởng hội Phật-giáo và là chủ-nhiệm của bản-báo di thay mặt các quan Bắc-kỳ vào Kinh dự lễ lớn ấy, với cả cụ Hiệp-tá Vi-văn-Định, các cụ Tổng-đốc Bùi-thiện-Cơ, Lương-văn-Phúc, Hoàng-thụy-Chi và cụ Tuân-phủ Nguyễn-bà-Tiếp.

Nhân dịp cụ Hội-trưởng có đưa mấy cụ thượng-tọa là cụ Trung-hậu, cụ Phúc-chính, cụ Bộc, cụ Bằng-sở là chủ bút của bản-báo và sư ông Trí-hải vào Huế, đề khảo sát việc thuyên-học và thăm các trường học của Phật-học hội Trung-kỳ mới mở. Các cụ đã đi chuyến xe hỏa tốc-hành hôm 13 tháng này rồi.

### **Cùng các nhà dự thi kiêu chùa Quán-sứ**

Về việc thi vẽ kiêu chùa Quán-sứ mà bản-hội đã đăng trong các báo hàng ngày, thì hạn nộp đến 15 Mars 1936 là hết.

Vậy xin bà-cáo về các nhà dự-thi biết rằng hạn nộp kiêu thi đúng đến 5 giờ chiều hôm 15 Mars là hết, quá giờ ấy thì bản hội không nhận nữa.

Các kiêu thi xin nộp tại văn-phòng hội Phật-giáo chùa Quán-sứ số 73 phố Richaud Hanoi.

Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ rưỡi.

Buổi chiều từ 2 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi chiều.

*Hội Phật-giáo Bắc-lý lai cáo.*

Kính trình các hội-viên giáo-hữu chi hội Phật-giáo Hải-dương biết rằng, Hội đã khởi công xây tường, xây cổng, và làm nhà giảng-dương tại chùa Đông-thuần, phải tiêu đến tiền, vậy ngài nào chưa đóng tiền vào hội và niên liễm xin đem lại đóng cho viên Thủ-quỹ Lương-văn-Kiên số 17 phố Bờ sông (Quai Morel) mà lấy biên lai, hoặc ngày mồng một và rằm đem đến hội quán mà đóng cũng được.

*Đại-lý Hội Phật-giáo Hải-dương lai cáo.*

## HỢP THƯ

— Ông Trần-văn-Quới, làng Mỹ-an, Vĩnh-long. Nhận đăng thư ông giới thiệu 3 người mua báo, chúng tôi đã gửi báo vô rồi, và theo như ý ông nói trong thư, chúng tôi đã trả lời ông em ông là ông Lê-dinh-Hoa biết.

— Ông Thiện-tâm cư-sĩ. Đã nhận đăng thư và chiếc mandat 2 \$ 00 của ông gửi trả tiền báo, cảm ơn ông.

---

## THUỐC CAM GIA TRUYỀN THẬN HIỆU

Không phải nói khoe ai đã dùng thử thuốc cam ở làng Long-Dâm tỉnh Nam-dịnh, cũng biết rằng thuốc cam ấy chữa được đủ các chứng cam cho trẻ con. Không những chữa được khỏi bệnh một cách rất nhanh chóng mà lại, bổ thêm sức khỏe cho con trẻ được ăn khỏe ngủ khỏe ngoan ngoãn trông lớn nữa, công hiệu thực không sao kể xiết.

Vi muốn cho đồng bào tiện dùng nên chúng tôi có để bán ở hiệu :

### NAM LONG

Nº 26 Phố Hàng Quạt — Hanoi

Giá có năm xu một gói, ở ngoài có dấu hiệu con rồng. Xin các quý ông quý bà thương yêu con trẻ hãy thử dùng xem, sẽ biết lời nói chúng tôi là thực.

Nay kính cáo

NAM-LONG

### CÁC ĐẠI LÝ

Hải-phòng nhà bà Đốc-Long số 62 đường Cát rai.  
Ninh-bình nhà bà Tham-Lâm tức bà Giáo-Yến  
số 29 phố Văn-thị.